

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/11/2019
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Trúc Đào**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Huỳnh Hải Đăng**

2. Ông **Đỗ Thành Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa:
bà **Nguyễn Lâm Thúy Vi** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 468/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1967 – Có mặt.

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1969 – Vắng mặt.

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 13/6 ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ nơi cư trú hiện nay: ấp B, xã L, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 14/6/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:***

Ông T và bà H chung sống vợ chồng vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện đăng ký kết hôn vào ngày 14/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì ông bị tai biến, bà H có chăm sóc ông một thời gian nằm điều trị tại bệnh viện Y học cổ truyền, tuy nhiên sau đó ông phát hiện bà H có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng xảy ra bất hòa, ông T không còn tin tưởng bà H, từ đó vợ chồng ông không còn tiếng nói chung, sống ly thân nay gần 03 năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông T yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về việc bà H có ý kiến yêu cầu ông hỗ trợ tiền công 5.000.000 đồng chăm sóc lúc ông bị tai biến thì ông không đồng ý.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự vào ngày 26/6/2019, ngày 01/8/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Bà H thống nhất lời trình bày của ông T về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn. Bà H cho rằng vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên đánh đuổi bà ra khỏi nhà, bà H phải đi thuê nhà trọ sinh sống từ 2-3 năm nay, bà cũng còn không tin tưởng ông T về mặt tình cảm. Tuy vợ chồng không thể hàn gắn được nhưng bà H chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện ông T phải hỗ trợ cho bà 5.000.000 đồng là công sức mà bà chăm sóc ông T khi ông còn bị tai biến những năm trước.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy hôn nhân giữa ông T và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu ly hôn của ông T. Việc chăm sóc chồng lúc ốm đau bệnh tật là nghĩa vụ của vợ nên không có cơ sở xem xét lời trình bày của bà H. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra giải quyết. Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với bà Nguyễn Thị H cư trú tại ấp B, xã L, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Theo quy định tại khoản 1, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H là có căn cứ theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông T và bà H tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của ông T thấy rằng:

Ông T và bà H thống nhất trình bày quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn tin tưởng nhau về mặt tình cảm, thường xuyên xảy ra bất hòa và đã sống ly thân gần 03 năm không hàn gắn được. Như vậy mâu thuẫn giữa ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với ý kiến của bà H về việc ông T phải có nghĩa vụ hỗ trợ cho bà số tiền 5.000.000 đồng là tiền công bà chăm sóc ông T bị tai biến trong thời kỳ hôn nhân, nhận thấy: Tại khoản 1, Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định rõ “*Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Việc chăm sóc lúc chồng ốm đau, bệnh tật là nghĩa vụ của vợ, do đó, yêu cầu của bà H về số tiền này không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông T và bà H trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành về việc giải quyết vụ án phù hợp với những nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.
- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Văn T đối với bà Nguyễn Thị H.

Ông Phạm Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị H trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013562 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận ông T đã nộp xong án phí.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai, báo cho ông T biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Trúc Đào